

Bản án số: 90/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2017

V/v: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 388/ 2017/ TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số 110A/7, ấp M 2, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 110A/7, ấp M 2, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

Con chung của chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thanh T là:

1/ Nguyễn Thanh V, sinh ngày 19/7/2000

2/ Nguyễn Thành L, sinh ngày 13/9/2007

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 qua quen biết chị và anh Nguyễn Thanh T tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán. Anh, chị đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L, giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyền số 01/2000.

Thời gian sau khi kết hôn sống không mấy hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do anh T thường xuyên nhậu nhết với bạn bè, không lo cho cuộc sống gia đình mà còn bạo lực với chị.

Vì thương các con chị đã cố gắng khắc phục, cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên anh T thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình và lo cho các con nhưng không được, anh chị ly thân từ đầu năm 2015 đến nay.

Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh T.

-Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Thanh V, sinh ngày 19/7/2000 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 13/9/2007. Hiện 02 con do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết

-Về nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Thanh T: Vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

-Ý kiến của cháu Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thành L: Hai cháu đang ở với mẹ, khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của 2 cháu là được sống với mẹ.

-Tại phiên Tòa chị H trình bày: Do anh T thường xuyên nhậu nhết, không lo cho vợ con, lại còn bạo lực gia đình đối với chị, sự việc này thường xuyên xảy ra, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên anh T, nhưng anh không thay đổi, chị và anh T đã ly thân nhiều năm nay, từ khi ly thân đến nay anh T cũng không kêu chị về và cũng không chu cấp gì cho 02 con. Khi anh T nhận được giấy mời của Tòa án, gia đình anh T có nói với anh T xuống Tòa án để giải quyết nhưng anh T nói đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý xuống Tòa án, chị không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi 02 con. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần, nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Chị H và anh T tiến đến hôn nhân vào năm 1999, được Ủy ban nhân xã A, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 13/3/2000. Do đó hôn nhân của

anh chị là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường hay nhậu nhẹt, không lo cho cuộc sống gia đình, nhiều lần anh T có hành vi bạo lực đối với chị H, anh T và chị H đã ly thân nhiều năm nay, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.2] Về phía anh T: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T biết về yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị H. Đến nay đã qua nhiều lần Tòa án mời anh T đến để giải quyết nhưng anh không đến và cũng không có nộp cho Tòa án bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị H. Điều đó chứng tỏ rằng anh T không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị H.

Xét thấy hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình nhưng giữa chị H và anh T lại không có điều đó. Cho thấy việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi 02 con của chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với anh T Tòa án đã thông báo cho anh T biết về nguyện vọng nuôi 02 con của chị H nhưng anh T không có ý đối yêu cầu này và cũng không có nguyện vọng được nuôi 02 con. Chị H là người đang trực tiếp nuôi con và có yêu cầu được nuôi 02 con. Đối với cháu V và cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi 02 con của chị H theo nguyện vọng của 02 cháu V và L là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H khai không có nợ ai trong thời kỳ hôn nhân, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc chị H phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thanh V, sinh ngày 19/7/2000 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 13/9/2007 cho chị Nguyễn Thị Hồng H nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh T có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0020 ngày 09/10/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng